CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC HÀ TĨNH

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Các Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	6 - 7
• Báo cáo kết quả kinh doanh	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách – Thiết bị Trường học Hà Tĩnh công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách – Thiết bị Trường học Hà Tĩnh (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh theo Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hà Tĩnh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 28.03.000151 ngày 12 tháng 11 năm 2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Tĩnh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 6 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 08/02/2010.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 22/02/2008 với mã chứng khoán là HBE theo Quyết định số 72 ngày 01/02/2008 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 22.310.580.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến 31/12/2013: 22.310.580.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Số 58 Đường Phan Đình Phùng, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh
- Điện thoại: (84) 039.856787
- Fax: (84) 039.852352

Ngành nghề kinh doanh chính

- Kinh doanh sách giáo dục, sách giáo khoa, tạp chí, bản đồ, giấy viết, các loại văn phòng phẩm, ấn phẩm;
- Sản xuất liên doanh, liên kết các loại thiết bị trường học;
- In ấn các tài liệu, hồ sơ, sổ sách phục vụ ngành giáo dục;
- Mua bán, ký gửi hàng hoá, môi giới thương mại;
- Kinh doanh du lịch, nhà hàng ăn uống, giải khát;
- Liên kết đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về các lĩnh vực: Thư viện, thiết bị trường học, quản trị kinh doanh, tài chính kế toán, tin học, ngoại ngữ;
- Đào tạo nghiệp vụ giám đốc chuyên nghiệp;
- Đào tạo, tư vấn pháp lý các lĩnh vực: An toàn lao động, dịch vụ thuế, dạy nghề kỹ thuật tổng hợp;
- Kinh doanh địa ốc văn phòng;
- Tư vấn du học;
- Kinh doanh trường học.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối ngày 31/12/2013 là 7 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 3 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

• Ông Hồ Phương Nam	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15/05/2013
• Ông Hồ Gia Bảo	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 11/04/2010
		Miễn nhiệm ngày 15/05/2013
	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 15/05/2013
• Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 11/04/2010
• Bà Hồ Thị Hà	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 11/04/2010
• Ông Nguyễn Thái Toại	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 11/04/2010

Ban Kiểm soát

• Bà Nguyễn Thị Yến	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 11/04/2010
• Bà Nguyễn Thị Lan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11/04/2010
• Bà Trương Thị Ninh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/10/2010

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Hồ Gia Bảo	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14/04/2010
• Ông Hồ Phương Nam	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14/04/2010
• Bà Hồ Thị Nga	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14/04/2010
		Miễn nhiệm ngày 01/01/2014
• Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14/04/2010
	Kiêm Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 14/04/2010

Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 04, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Sự kiện phát sinh trong năm

Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 vào ngày 12/05/2013 đã tiến hành biểu quyết và không thông qua 7 nội dung cụ thể như sau:

1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012.
2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2012.
3. Báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động và báo cáo tài chính năm 2012.
4. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2012.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

5. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, giải pháp trọng tâm và cổ tức năm 2013.
6. Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2013.
7. Chấp thuận Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm Tổng Giám đốc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Hồ Gia Bảo
Hà Tĩnh, ngày 31 tháng 03 năm 2014

3. Một số khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán chưa được trích lập dự phòng theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính, số dự phòng trích lập thiếu so với quy định là 711.711.370 đồng.

Nếu phản ánh đầy đủ các khoản dự phòng nêu tại điểm (2) và (3) thì khoản mục "Các khoản đầu tư tài chính dài hạn", "Các khoản phải thu ngắn hạn" sẽ giảm lần lượt là 257.694.339 đồng và 711.711.370 đồng; chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán sẽ là âm 1.004.602.019 đồng thay vì âm 35.196.310 đồng như ghi nhận hiện nay. Đồng thời, khoản mục "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" năm 2013 sẽ lỗ 1.469.907.287 đồng thay vì hạch toán lỗ 500.501.578 đồng như phản ánh tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh đính kèm.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, ngoại trừ sự ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ" thì các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2013, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyễn Trọng Hiếu
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ hành nghề số 0391-2013-010-1

Lâm Quang Tú
Kiểm toán viên
Chứng chỉ hành nghề số 1031-2013-010-1

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL
Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: http://www.aac.com.vn
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 442/2014/BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Cổ đông**
Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Trường học Hà Tĩnh

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2013, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 10/03/2014 của Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Trường học Hà Tĩnh(sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 6 đến trang 27.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập của mình về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu kiểm toán viên tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và Thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Một số khoản nợ phải thu 2.226.521.047 đồng chưa được đối chiếu, xác nhận tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Kiểm toán viên đã sử dụng thủ tục kiểm toán thay thế bằng cách gửi thư xác nhận công nợ nhưng đến thời điểm hiện nay chúng tôi vẫn chưa nhận được sự phản hồi từ phía các bên liên quan. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của các khoản nợ nêu trên.
2. Tại Báo cáo kiểm toán số 459/2014/BCKT-AAC ngày 31/03/2014 về Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty TNHH Một thành viên Giáo dục HBE (Công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn), kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ về việc Công ty này tiếp nhận một khoản nợ phải thu không chắc chắn về khả năng thu hồi và đang tiến hành phân bổ dần tổn thất này trong 36 tháng (kể từ tháng 7/2012). Nếu ghi nhận toàn bộ khoản tổn thất nêu trên vào kết quả kinh doanh, Công ty con sẽ phát sinh lỗ lũy kế. Theo đó, số dự phòng tương ứng Công ty mẹ cần trích lập bổ sung là 257.694.339 đồng.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**3.010.984.501**	**13.353.467.460**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**115.493.796**	**834.306.418**
1. Tiền	111	5	115.493.796	834.306.418
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**499.793.309**	**1.003.626.350**
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	499.793.309	1.003.626.350
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**2.336.100.228**	**7.272.680.582**
1. Phải thu khách hàng	131		1.183.997.495	3.988.724.475
2. Trả trước cho người bán	132		25.781.600	22.165.435
3. Các khoản phải thu khác	135	7	1.998.311.470	3.650.617.688
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(871.990.337)	(388.827.016)
IV. Hàng tồn kho	**140**		-	**4.114.899.050**
1. Hàng tồn kho	141		-	4.381.178.333
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(266.279.283)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**59.597.168**	**127.955.060**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	5.336.123	12.444.015
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	9	46.120.445	46.120.445
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	8.140.600	69.390.600
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**23.304.046.920**	**21.305.905.559**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**2.498.165.863**	**5.413.853.550**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	2.498.165.863	4.698.649.550
- Nguyên giá	*222*		*2.942.254.574*	*6.177.588.983*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(444.088.711)*	*(1.478.939.433)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	-	715.204.000
- Nguyên giá	*228*		*32.000.000*	*788.204.000*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(32.000.000)*	*(73.000.000)*
III. Bất động sản đầu tư	**240**	**13**	**2.386.323.980**	-
- Nguyên giá	241		3.192.269.863	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(805.945.883)	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**18.187.375.000**	**15.331.360.000**
1. Đầu tư vào công ty con	251	14	18.000.000.000	13.500.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	15	187.375.000	1.831.360.000
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**232.182.077**	**560.692.009**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	232.182.077	560.692.009
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**26.315.031.421**	**34.659.373.019**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**2.857.856.399**	**10.701.696.419**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**2.857.856.399**	**8.428.965.900**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	225.000.000	2.770.125.000
2. Phải trả người bán	312		1.611.813.064	4.189.363.635
3. Người mua trả tiền trước	313		-	729.376
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	93.144.828	43.909.195
5. Phải trả người lao động	315		33.820.000	222.015.086
6. Chi phí phải trả	316	19	8.916.000	61.906.500
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	832.537.885	1.080.788.486
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		52.624.622	60.128.622
II. Nợ dài hạn	**330**		-	**2.272.730.519**
1. Vay và nợ dài hạn	334		-	2.272.730.519
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**23.457.175.022**	**23.957.676.600**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**21**	**23.457.175.022**	**23.957.676.600**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	21	22.310.580.000	22.310.580.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413	21	637.870.381	637.870.381
3. Quỹ đầu tư phát triển	417	21	276.895.151	276.895.151
4. Quỹ dự phòng tài chính	418	21	267.025.800	267.025.800
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	21	(35.196.310)	465.305.268
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**26.315.031.421**	**34.659.373.019**

Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Hồ Gia Bão	**Nguyễn Thị Thu Hằng**	**Hồ Thị Hà**

Hà Tĩnh, ngày 10 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	22	17.285.707.323	46.218.917.208
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	82.533.446	768.786.902
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	22	17.203.173.877	45.450.130.306
4. Giá vốn hàng bán	11	23	16.436.416.943	41.107.874.783
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	**20**		**766.756.934**	**4.342.255.523**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	839.350.467	813.936.417
7. Chi phí tài chính	22	25	231.835.426	1.481.288.527
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		*201.918.252*	*1.205.518.430*
8. Chi phí bán hàng	24		540.209.007	2.859.844.988
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.388.274.124	1.753.316.084
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**(554.211.156)**	**(938.257.659)**
11. Thu nhập khác	31	26	225.450.181	1.729.576.039
12. Chi phí khác	32	27	171.740.603	624.969.766
13. Lợi nhuận khác	**40**		**53.709.578**	**1.104.606.273**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**	**28**	**(500.501.578)**	**166.348.614**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	-	13.985.809
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	**60**	**28**	**(500.501.578)**	**152.362.805**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	(224)	68

Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Hồ Gia Bảo	Nguyễn Thị Thu Hằng	Hồ Thị Hà

Hà Tĩnh, ngày 10 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	16.027.378.212	47.582.644.240
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(16.919.012.685)	(41.710.176.822)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(776.368.633)	(3.206.961.344)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(214.884.752)	(1.214.788.684)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	(41.404.525)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	518.806.611	2.804.332.001
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(659.023.242)	(4.881.761.868)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**(2.023.104.489)**	**(668.117.002)**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	-	(235.945.001)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	60.000.000	50.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(4.655.692.466)	(2.681.866.852)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	7.142.826.916	5.040.149.079
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(50.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.919.133.590	1.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	839.479.346	487.224.184
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**6.305.747.386**	**3.609.561.410**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	9.101.368.358	25.089.245.681
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(13.919.223.877)	(27.657.182.230)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(183.600.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**(5.001.455.519)**	**(2.567.936.549)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**	**(718.812.622)**	**373.507.859**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	834.306.418	460.798.559
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**115.493.796**	**834.306.418**

Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Hồ Gia Bảo	Nguyễn Thị Thu Hằng	Hồ Thị Hà

Hà Tĩnh, ngày 10 tháng 03 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Trường học Hà Tĩnh (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh theo Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hà Tĩnh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 28.03.000151 ngày 12 tháng 11 năm 2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Tĩnh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 6 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 08/02/2010.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 22/02/2008 với mã chứng khoán là HBE, theo Quyết định số 72 ngày 01/02/2008 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

Ngành nghề kinh doanh chính

- Kinh doanh sách giáo dục, sách giáo khoa, tạp chí, bản đồ, giấy viết, các loại văn phòng phẩm, ấn phẩm;
- Sản xuất liên doanh, liên kết các loại thiết bị trường học;
- In ấn các tài liệu, hồ sơ, sổ sách phục vụ ngành giáo dục;
- Mua bán, ký gửi hàng hoá, môi giới thương mại;
- Kinh doanh du lịch, nhà hàng ăn uống, giải khát;
- Liên kết đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về các lĩnh vực: Thư viện, thiết bị trường học, quản trị kinh doanh, tài chính kế toán, tin học, ngoại ngữ;
- Đào tạo nghiệp vụ giám đốc chuyên nghiệp;
- Đào tạo, tư vấn pháp lý các lĩnh vực: An toàn lao động, dịch vụ thuế, dạy nghề kỹ thuật tổng hợp;
- Kinh doanh địa ốc văn phòng;
- Tư vấn du học;
- Kinh doanh trường học.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán được lập cho các loại chứng khoán đầu tư của Công ty bị giảm giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Phương tiện vận tải	10

4.6 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn).
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng (+) các chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

Các tài sản cố định vô hình khác

Các tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình khác được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

4.7 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.10 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận sau thuế được trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

4.11 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.13 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
  - ✓ Đối với sách giáo khoa và sách tham khảo bổ trợ cho sách giáo khoa: Không thuộc đối tượng chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- ✓ Đối với hoạt động bán thiết bị dạy học, từ điển: Áp dụng mức thuế suất là 5%.
- ✓ Đối với hoạt động bán văn phòng phẩm và thiết bị khác…: Áp dụng mức thuế suất là 10%.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 25%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.14 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gởi ngắn hạn, các khoản đầu tư tài chính, các khoản phải thu khách hàng và khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	71.932.838	111.082.273
Tiền gởi ngân hàng	43.560.958	723.224.145
Cộng	**115.493.796**	**834.306.418**

6. Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Cho Công ty TNHH MTV Thương mại HBE vay (*)	499.793.309	-
Cho Công ty TNHH Công nghiệp HBE vay	-	1.003.626.350
Cộng	**499.793.309**	**1.003.626.350**

(*) Cho Công ty TNHH MTV Thương mại HBE vay theo Hợp đồng vay số 28102013/SACH-TB ngày 28/10/2013. Thời gian cho vay là 06 tháng, lãi suất cho vay là 0,9%/tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

7. Các khoản phải thu khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Công ty TNHH MTV Thương mại HBE	757.160.242	-
Phải thu cá nhân vay mua cổ phiếu (gốc + lãi)	1.017.108.184	155.079.356
Hoàng Ngọc Tài	18.946.968	18.946.968
Công ty TNHH Công nghiệp HBE	151.307.684	675.292.068
- Trong đó phải thu lợi nhuận được chia	-	*152.261.883*
Công ty TNHH MTV Giáo dục HBE	33.981.424	116.595.498
- Trong đó phải thu lợi nhuận được chia	-	*109.595.824*
Công ty TNHH Đầu tư và Công nghiệp Hà Tĩnh	-	1.845.900.000
Đặng Trường Sơn	-	791.100.000
Các khoản phải thu khác	19.806.968	47.703.798
Cộng	**1.998.311.470**	**3.650.617.688**

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.250.000	6.666.667
Bảo hiểm xe ô tô	4.086.123	5.777.348
Cộng	**5.336.123**	**12.444.015**

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế TNDN nộp thừa	46.120.445	46.120.445
Cộng	**46.120.445**	**46.120.445**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

10. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tạm ứng	8.140.600	19.390.600
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	50.000.000
Cộng	**8.140.600**	**69.390.600**

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số đầu năm	4.873.916.071	279.748.580	936.813.205	87.111.127	6.177.588.983
Chuyển qua BĐS đầu tư	2.477.065.863	-	-	-	2.477.065.863
Giảm do đi góp vốn	-	249.616.763	128.980.381	71.665.672	450.262.816
T/lý, nhượng bán	-	-	246.532.824	-	246.532.824
Giảm theo TT45	15.895.634	30.131.817	-	15.445.455	61.472.906
Số cuối năm	**2.380.954.574**	-	**561.300.000**	-	**2.942.254.574**
Khấu hao					
Số đầu năm	944.379.995	158.746.160	340.926.254	34.887.024	1.478.939.433
Khấu hao trong năm	62.375.602	1.646.364	58.184.439	2.574.243	124.780.648
Chuyển qua BĐS đầu tư	756.404.566	-	-	-	756.404.566
Giảm do đi góp vốn	-	150.133.749	74.198.173	34.027.807	258.359.729
T/lý, nhượng bán	-	-	123.780.020	-	123.780.020
Giảm theo TT45	7.394.820	10.258.775		3.433.460	21.087.055
Số cuối năm	**242.956.211**	-	**201.132.500**	-	**444.088.711**
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	3.929.536.076	121.002.420	595.886.951	52.224.103	4.698.649.550
Số cuối năm	**2.137.998.363**	-	**360.167.500**	-	**2.498.165.863**

- ✓ Không có tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2013.
- ✓ Không có tài sản cố định dùng cầm cố, thế chấp cho các khoản vay tại thời điểm 31/12/2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số đầu năm	715.204.000	52.000.000	21.000.000	788.204.000
Tăng trong năm	-	-	-	-
Chuyển qua BĐS đầu tư	715.204.000			715.204.000
Giảm theo TT45	-	20.000.000	21.000.000	41.000.000
Số cuối năm	-	**32.000.000**	-	**32.000.000**
Khấu hao				
Số đầu năm	-	52.000.000	21.000.000	73.000.000
Khấu hao trong năm	-	-	-	-
Chuyển qua BĐS đầu tư	-	-	-	-
Giảm theo TT45	-	20.000.000	21.000.000	41.000.000
Số cuối năm	-	**32.000.000**	-	**32.000.000**
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	715.204.000	-	-	715.204.000
Số cuối năm	-	-	-	-

13. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	-	-	-
Chuyển thành BĐS đầu tư	715.204.000	2.477.065.863	3.192.269.863
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	**715.204.000**	**2.477.065.863**	**3.192.269.863**
Khấu hao			
Số đầu năm	-	-	-
Chuyển thành BĐS đầu tư	-	756.404.566	756.404.566
Khấu hao trong năm	-	49.541.317	49.541.317
Số cuối năm	-	**805.945.883**	**805.945.883**
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	-	-
Số cuối năm	**715.204.000**	**1.671.119.980**	**2.386.323.980**

Là giá trị nhà và đất tại 58 Phan Đình Phùng, Thành phố Hà Tĩnh dùng để cho thuê hoạt động.

(*) Là quyền sử dụng đất lâu dài với diện tích 172,8 m2 tại 58 Phan Đình Phùng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG481394 ngày 13/05/2013 của UBND Tỉnh Hà Tĩnh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

14. Đầu tư vào Công ty con

	31/12/2013		31/12/2012	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị VND	Tỷ lệ (%)	Giá trị VND
Công ty TNHH MTV Thương mại HBE	100	4.500.000.000	-	-
Công ty TNHH MTV Giáo dục HBE	100	13.500.000.000	100	13.500.000.000
Cộng		**18.000.000.000**		**13.500.000.000**

Báo cáo tài chính các năm của các công ty con đều có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Do đó, các khoản đầu tư trên được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

Trong 6 tháng đầu năm 2013 , Công ty góp vốn vào Công ty TNHH MTV Thương mại HBE bằng quyền sử dụng đất (số tiền 715.204.000 đồng) và tài sản trên đất (số tiền 1.720.661.297 đồng) tại 58 Phan Đình Phùng nhưng do không thể chuyển đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang tên Công ty TNHH MTV Thương mại HBE nên trong 6 tháng cuối năm, Công ty đã nhận lại tài sản góp vốn là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại 58 Phan Đình Phùng và góp vốn bổ sung bằng công nợ, các khoản cho vay...

15. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Cho cán bộ công nhân viên vay (*)	187.375.000	1.831.360.000
Cộng	**187.375.000**	**1.831.360.000**

(*) Là khoản cho cán bộ công nhân viên vay mua cổ phần phát hành thêm năm 2010 theo các cam kết vay tiền ngày 30/12/2009, lãi suất vay 1%/tháng. Trong 6 tháng tính từ ngày 01/2010, Công ty và các cá nhân vay vốn sẽ phối hợp bán cổ phiếu để trả tiền gốc và lãi vay cho Công ty. Sau 6 tháng, nếu cổ phiếu tương ứng với số tiền vay chưa được bán, Công ty và các cá nhân vay tiền sẽ có quí định phù hợp để đảm bảo quyền lợi cho các cá nhân và Công ty. Theo đó, trong năm 2012 Công ty và các cá nhân này đã thống nhất gia hạn thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất 1%/tháng.

16. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	41.349.556	365.438.658
Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng (*)	190.832.521	195.253.351
Cộng	**232.182.077**	**560.692.009**

(*) Là chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng của 2.677,1 m2 tại Phường Thạch Quý, Thành phố Hà Tĩnh. Đây là thửa đất thuê của Nhà nước theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB450981 ngày 02/07/2011 của Sở Tài nguyên Tỉnh Hà Tĩnh. Thời gian thuê đất đến 01/03/2056, tiền thuê đất trả hàng năm. Mảnh đất đang được sử dụng làm nhà kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

17. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay ngắn hạn	225.000.000	2.683.125.000
- Ngân hàng Ngoại thương Hà Tĩnh	-	*2.328.125.000*
- Vay các đối tượng khác (cá nhân)	*225.000.000*	*355.000.000*
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	87.000.000
- Công ty TNHH một thành viên Giáo dục HBE	-	*87.000.000*
Cộng	**225.000.000**	**2.770.125.000**

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	41.844.528	43.909.195
Thuế thu nhập cá nhân	2.898.800	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	48.401.500	-
Cộng	**93.144.828**	**43.909.195**

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

19. Chi phí phải trả

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Lãi vay dự trả	-	12.966.500
Chi phí phát hành phải trả	8.916.000	48.940.000
Cộng	**8.916.000**	**61.906.500**

20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Kinh phí công đoàn	63.996.735	51.453.265
BHXH, BHYT, BHTN	24.235.011	37.717.041
Cổ tức phải trả	-	183.600.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	744.306.139	808.018.180
- Sở Tài chính (*)	*550.000.000*	*550.000.000*
- Các khoản phải trả khác	*194.306.139*	*258.018.180*
Cộng	**832.537.885**	**1.080.788.486**

(*) Phải trả khác Sở Tài chính Hà Tĩnh phát sinh từ 2 hợp đồng vay vốn giữa Công ty CP Sách TBTH Hà

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Tỉnh và Sở Tài chính Hà Tĩnh, cụ thể:

- Hợp đồng vay vốn ngắn hạn ngày 03/02/2005, số tiền vay là 150.000.000 đồng, thời hạn vay là 1 năm bắt đầu từ ngày 03/02/2005 với lãi suất 0%. Mục đích vay: Xây dựng đề án ứng dụng công nghệ thông tin.
- Hợp đồng vay vốn trung dài hạn ngày 05/06/2006, số tiền là 400.000.000 đồng, thời hạn vay là 2 năm bắt đầu từ ngày 05/06/2006 với lãi suất 0%. Mục đích vay: Đầu tư dự án xây dựng kho và xưởng sản xuất thiết bị giáo dục – đồ chơi trẻ em.

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
SD tại 01/01/2012	**22.310.580.000**	**637.870.381**	**276.895.151**	**267.025.800**	**312.942.463**	**23.805.313.795**
Tăng trong năm	-	-	-	-	152.362.805	152.362.805
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
SD tại 31/12/2012	**22.310.580.000**	**637.870.381**	**276.895.151**	**267.025.800**	**465.305.268**	**23.957.676.600**
SD tại 01/01/2013	**22.310.580.000**	**637.870.381**	**276.895.151**	**267.025.800**	**465.305.268**	**23.957.676.600**
Tăng trong năm	-	-	-	-	(500.501.578)	(500.501.578)
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
SD tại 31/12/2013	**22.310.580.000**	**637.870.381**	**276.895.151**	**267.025.800**	**(35.196.310)**	**23.457.175.022**

b. Cổ phiếu

	31/12/2013 Cổ phiếu	31/12/2012 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	2.231.058	2.231.058
- Cổ phiếu thường	*2.231.058*	*2.231.058*
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.231.058	2.231.058
- Cổ phiếu thường	*2.231.058*	*2.231.058*
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	465.305.268	312.942.463
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	(500.501.578)	152.362.805
Phân phối lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	**(35.196.310)**	**465.305.268**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

22. Doanh thu

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.285.707.323	46.218.917.208
- Sách giáo khoa	*16.222.061.522*	*26.732.217.770*
- Sách tham khảo	*630.962.857*	*2.396.188.393*
- Văn phòng phẩm	-	*8.193.673.125*
- Lịch block	*18.137.490*	*89.978.435*
- Thiết bị đồ chơi	-	*3.323.312.321*
- Doanh thu trường mầm non	-	*2.632.017.000*
- Các hàng hóa, dịch vụ khác	*414.545.454*	*2.851.530.164*
Các khoản giảm trừ doanh thu	82.533.446	768.786.902
- Hàng bán bị trả lại	*82.533.446*	*768.786.902*
Cộng	**17.203.173.877**	**45.450.130.306**

23. Giá vốn hàng bán

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn sách giáo khoa	15.810.463.590	25.018.571.230
Giá vốn sách tham khảo	608.209.353	1.848.801.000
Giá vốn văn phòng phẩm	-	7.181.219.000
Giá vốn lịch block	17.744.000	79.429.570
Giá vốn thiết bị đồ chơi	-	2.639.132.000
Giá vốn trường mầm non	-	2.306.237.999
Giá vốn hàng hóa khác	-	2.034.483.984
Cộng	**16.436.416.943**	**41.107.874.783**

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	456.350.467	487.224.184
Chiết khấu thanh toán được hưởng	-	64.854.526
Cổ tức, lợi nhuận được chia	120.000.000	261.857.707
Tiền chuyển nhượng vốn đầu tư năm 2012 thu thêm	263.000.000	-
Cộng	**839.350.467**	**813.936.417**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

25. Chi phí tài chính

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí lãi vay	201.918.252	1.205.518.430
Lỗ từ chuyển nhượng Công ty Công nghiệp HBE	-	263.000.000
Lỗ đầu tư tài chính do giải thể Công ty TNHH MTV PP HBE	27.277.067	-
Chi phí tài chính khác	2.640.107	12.770.097
Cộng	**231.835.426**	**1.481.288.527**

26. Thu nhập khác

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thu nhập từ bán thanh lý tài sản cố định	54.545.455	45.454.546
Thanh lý CCDC	-	49.717.045
Thu nhập từ cho thuê nhà nội trú	36.863.638	35.377.396
Nguồn ngân sách Nhà nước hỗ trợ đầu tư giáo dục	-	1.060.000.000
Khuyến mãi được hưởng	109.386.833	461.764.549
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	55.484.229
Các khoản thu nhập khác	24.654.255	21.778.274
Cộng	**225.450.181**	**1.729.576.039**

27. Chi phí khác

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thanh lý sách cũ	48.987.799	167.580.350
Xử lý hàng thiếu kiểm kê	-	23.671.160
Phạt hành chính	-	611.000
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	122.752.804	187.799.412
Giá trị còn lại CCDC thanh lý	-	19.362.426
Chi phí dự án đầu tư không khả thi	-	174.817.000
Các khoản chi phí khác	-	51.128.418
Cộng	**171.740.603**	**624.969.766**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong năm

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(500.501.578)	166.348.614
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	461.347.901	(86.429.707)
Điều chỉnh tăng	581.347.901	175.428.000
- Phạt vi phạm hành chính	-	*611.000*
- Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi không đầy đủ hồ sơ	*576.147.901*	-
- Các khoản chi phí không hợp lệ khác	*5.200.000*	*174.817.000*
Điều chỉnh giảm (cổ tức nhận được từ Công ty con)	120.000.000	261.857.707
Tổng thu nhập chịu thuế	(39.153.677)	79.918.907
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	19.979.727
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm (30%)	-	5.993.918
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	13.985.809
Lợi nhuận sau thuế TNDN	**(500.501.578)**	**152.362.805**

29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(500.501.578)	152.362.805
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	(500.501.578)	152.362.805
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.231.058	2.231.058
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**(224)**	**68**

30. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	121.274.625	1.319.478.476
Chi phí nhân công	743.368.409	3.390.278.950
Chi phí khấu hao tài sản cố định	174.321.965	490.273.440
Chi phí dịch vụ mua ngoài	289.310.404	688.264.490
Chi phí khác bằng tiền	150.373.842	1.276.397.564
Cộng	**1.478.649.245**	**7.164.692.920**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

31. Công cụ tài chính

a. Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản .

Quản lý rủi ro thị trường: Do không phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ nên hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kì cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng chủ yếu từ các Công ty thuộc hệ thống Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Trong đó mặt hàng chủ yếu là sách giáo khoa và sách tham khảo; do đó chịu sự rủi ro từ việc thay đổi tỷ lệ chiết khấu trên giá bìa. Chính sách chiết khấu sẽ thay đổi theo thời hạn thanh toán, theo phương thức mua trả tiền mặt hay mua nợ. Để có được tỷ lệ chiết khấu cao, Công ty có chính sách thu hồi công nợ và huy động nguồn vốn vay để tối đa hóa lợi ích từ chiết khấu được hưởng.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Các khoản vay và nợ	225.000.000	-	225.000.000
Phải trả người bán	1.611.813.064	-	1.611.813.064
Chi phí phải trả	8.916.000	-	8.916.000
Phải trả khác	744.306.139	-	744.306.139
Cộng	**2.590.035.203**	**-**	**2.590.035.203**

31/12/2012	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Các khoản vay và nợ	2.770.125.000	2.272.730.519	5.042.855.519
Phải trả người bán	4.189.363.635	-	4.189.363.635
Chi phí phải trả	61.906.500	-	61.906.500
Phải trả khác	991.618.180	-	991.618.180
Cộng	**8.013.013.315**	**2.272.730.519**	**10.285.743.834**

Hiện tại, mặc dù Công ty đang có rủi ro thanh khoản, tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	115.493.796	-	115.493.796
Phải thu khách hàng	826.697.157	-	826.697.157
Đầu tư tài chính	499.793.309	187.375.000	687.168.309
Phải thu khác	1.485.621.471	-	1.485.621.471
Cộng	**2.927.605.733**	**187.375.000**	**3.114.980.733**

31/12/2012	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	834.306.418	-	834.306.418
Phải thu khách hàng	3.599.897.459	-	3.599.897.459
Đầu tư tài chính	1.003.626.350	1.831.360.000	2.834.986.350
Phải thu khác	3.650.617.688	-	3.650.617.688
Tài sản tài chính khác	50.000.000	-	50.000.000
Cộng	**9.138.447.915**	**1.831.360.000**	**10.969.807.915**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

32. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là kinh doanh sách và Thiết bị Trường học và một bộ phận địa lý chính là Tỉnh Hà Tĩnh.

33. Các bên liên quan

a. Thông tin về các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Sách và TBGD Miền Bắc	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty TNHH MTV Thương mại HBE	Công ty con
Công ty TNHH MTV Giáo dục HBE	Công ty con
Công ty TNHH MTV Phân phối Tổng hợp HBE	Công ty con

b. Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên có liên quan trong năm

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Mua hàng			
Công ty Cổ phần Sách và TBGD Miền Bắc	Mua sách các loại	7.386.102.180	15.333.089.384
Công ty Cổ phần ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Mua sách các loại	5.416.918.365	10.450.940.245
Công ty TNHH MTV PP Tổng hợp HBE	Mua sách các loại	3.914.468.309	-
Công ty TNHH MTV Thương mại HBE	Mua sách các loại	32.729.518	-
Bán hàng			
Công ty TNHH MTV Giáo dục HBE	Bán sách các loại	194.362.004	38.295.440
Công ty TNHH MTV Thương mại HBE	Bán sách các loại	6.622.072.505	-
Công ty TNHH MTV PP Tổng hợp HBE	Bán sách các loại	3.182.259.410	-
Giao dịch khác			
Công ty TNHH MTV Giáo dục HBE	Vay	715.000.000	3.446.730.519
	Lãi vay	28.770.465	158.337.617
	Cho vay	45.983.942	2.258.269.481
	Lãi cho vay	1.235.590	36.145.990
Công ty TNHH MTV Thương mại HBE	Cho vay	6.302.297.146	-
	Lãi cho vay	279.835.833	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

c. Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Ứng trước tiền hàng	1.781.600	-
	Phải trả người bán	-	474.166.201
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Phải trả người bán	1.273.209.654	2.060.323.889
Công ty TNHH MTV Giáo dục HBE	Phải thu nợ gốc vay	-	2.359.730.519
	Phải thu lợi nhuận	-	109.595.824
	Phải thu khác	33.981.424	6.999.674
Công ty TNHH MTV Thương mại HBE	Phải thu tiền vay	499.793.309	-
	Phải thu khác	757.160.242	-

d. Thù lao Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lương Ban Tổng Giám đốc	206.884.719	457.580.776
- Tổng Giám đốc	*104.596.208*	*169.315.473*
- Phó Tổng Giám đốc	*102.288.511*	*288.265.303*
Thù lao Hội đồng quản trị	52.560.000	98.988.000

34. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

35. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán bởi AAC.

Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Hồ Gia Bảo	Nguyễn Thị Thu Hằng	Hồ Thị Hà

Hà Tĩnh, ngày 10 tháng 03 năm 2014